

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày 22/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Lệ Thu và ông Đoàn Việt Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Dư, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/7/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST-HS, ngày 21/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 12/5/2022 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/11/1990 tại tỉnh LC; HKTT và chỗ ở: Thôn KX, xã BN, huyện BH, tỉnh LC; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C và bà Phần Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại trại Tạm giam công an tỉnh Bắc Kạn từ ngày 16/6/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Thượng Th, tên gọi khác: Không, sinh ngày 22/5/1981 tại tỉnh TN; HKTT và chỗ ở: Tổ ĐTD, phường TP, thành phố PY, tỉnh TN; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thượng H và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Trần Thị Phương Th và có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến ngày 01/10/2021 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Lý Văn M (Đã chết). Đại diện hợp pháp của bị hại là bà Đặng Thị P, sinh năm 1974, trú tại: Thôn PC, xã CĐ, huyện NS, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

2. Anh Chìn Văn C (đã chết). Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Chìn A H, sinh năm 1977, trú tại: Thôn NS, xã VS, huyện MT, tỉnh LC. Vắng mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Văn Th, sinh năm 1983, trú tại: Thôn ĐĐ, xã LB, huyện ĐT, tỉnh TN. Vắng mặt tại phiên tòa;
2. Ông Đào Văn H, sinh năm 1977, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK. Địa chỉ: Tổ ..., phường ĐX, thành phố BK, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;
3. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK. Địa chỉ: Tổ ..., phường ĐX, thành phố BK, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;
4. Ông Lê Đình V, sinh năm 1983, trú tại: Tổ ..., phường TD, thành phố TN, tỉnh TN. Vắng mặt tại phiên tòa;
5. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986, trú tại: Tổ ..., phường TrH, thành phố CB, tỉnh CB. Có mặt tại phiên tòa;
6. Ông Chu Văn M, sinh năm 1972, trú tại: Thôn BL, xã PV, huyện CĐ, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;
7. Ông Vũ Văn V, sinh năm 1978, trú tại: Thôn PC, xã HC, huyện CM, thành phố HN. Vắng mặt tại phiên tòa;
8. Ông Trần Văn T, sinh năm 1977, trú tại: Tổ ..., phường NTMK, thành phố BK, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;
9. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1978, trú tại: Tổ ..., phường ĐX, thành phố BK, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;
10. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1981, trú tại: Tổ ..., phường PCK, thành phố BK, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;
11. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970, trú tại: Tổ ..., phường GS, thành phố TN, tỉnh TN. Có mặt tại phiên tòa;
12. Ông Đàm Trọng H, sinh năm 1982, trú tại: Thôn NB, xã NH, huyện CM, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;
13. Bà Trần Thị Phương Th, sinh năm 1983, trú tại: Tổ ĐTD, phường TP, thành phố PY, tỉnh TN. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Ông Phừn Văn L, sinh năm 1979, trú tại: Thôn NV, xã BX, huyện MK, tỉnh LC. Vắng mặt tại phiên tòa;
2. Anh Chìn Văn L, sinh năm 2002, trú tại: Thôn NS, xã VS, huyện MT, tỉnh LC. Có mặt tại phiên tòa;
3. Anh Pàn A D, sinh năm 1998, trú tại: Thôn NS, xã VS, huyện MT, tỉnh LC. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 08 giờ, ngày 24/12/2020, tại công trình làm đường giao thông cải tạo Quốc lộ 3B của Công ty trách nhiệm hữu hạn PL thuộc thôn NC, xã TrP, huyện NR, tỉnh BK xảy ra vụ nổ mìn, hậu quả làm Chìn Văn C, sinh năm 1998, trú tại xã VS, huyện MT, tỉnh LC và Lý Văn M, sinh năm 1995, trú tại xã CĐ, huyện NS, tỉnh BK là người làm thuê khoan tạo lỗ mìn tử vong.

Qua điều tra xác định: Ngày 16/01/2020, Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại ... là nhà thầu chính, địa chỉ số ..., ngõ ... đường TrC phường PM, quận ĐĐ, thành phố HN ký hợp đồng thầu phụ, thi công xây dựng công trình đoạn tuyến Km18+600 - Km57 và đoạn vượt nối qua địa phận thôn CN, xã TrP huyện NR thuộc dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ ... đoạn XH - Cửa khẩu PM với Công ty TNHH PL, địa chỉ xã NC, huyện CM, tỉnh BK, do Lâm Văn Th, sinh năm 1983 phụ trách giám sát thi công.

Ngày 17/3/2020, Công ty TNHH PL ký hợp đồng dịch vụ khoan nổ mìn, tại công trường nêu trên với Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ BK, thời hạn nổ mìn được cấp phép từ ngày 18/4/2020 đến hết ngày 15/12/2020. Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK phân công Ngô Thượng Th, sinh năm 1981, trú tại xã TP, thị xã PY, tỉnh TN là cán bộ Chi nhánh làm chỉ huy nổ mìn, chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vật liệu nổ tại công trường. Nhiệm vụ cụ thể là: Thiết kế hộ chiếu nổ mìn; triển khai thi công nạp, nổ mìn; nghiệm thu khối lượng sau nổ mìn, quản lý vật liệu nổ được giao đến công trường.

Đến ngày 01/11/2020, Chi nhánh Công nghiệp Hóa chất mỏ BK tiếp tục ký hợp đồng khoan tạo lỗ mìn với Công ty TNHH đầu tư XQ, địa chỉ tổ ..., phường GS, thành phố TN. Sau đó, công ty TNHH đầu tư XQ ký kết hợp đồng giao khoán khoan tạo lỗ mìn tại công trường với Nông Văn L, sinh năm 1990, trú tại xã BN, huyện BH, tỉnh LC, thời hạn hợp đồng đến ngày 15/12/2020.

Qua điều tra đối với Ngô Thượng Th xác định: Quá trình thực hiện nhiệm vụ tại công trường, Th không thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ Chi nhánh giao, đã giao vật liệu nổ cho Nông Văn L sử dụng, tàng trữ trái phép dẫn đến xảy ra vụ nổ ngày 24/12/2020 tại công trường làm 02 (hai) người chết. Nhiệm vụ của Th là, sau khi L khoan tạo lỗ xong thông báo cho Th kiểm tra để tính toán thiết kế hộ chiếu nổ mìn, triển khai công tác thi công nạp, quản lý vật liệu nổ được giao đến công trường. Nhưng Th không làm đúng theo nhiệm vụ Chi nhánh Hóa chất mỏ giao. Trong thời gian từ ngày 15/11 đến 15/12/2020, Th phối hợp với Nông Văn L trong việc khoan tạo lỗ mìn, căn cứ theo số lượng, thông số kỹ thuật lỗ khoan do L thông báo Th đã 09 lần lập hộ chiếu nổ mìn, trình lãnh đạo phê duyệt, xuất kho vật liệu nổ để sử dụng phá đá tại công trường. Tổng số vật liệu nổ đã xuất kho là 366 kg (ba trăm sáu mươi sáu kilôgam) thuộc nổ, gồm hai loại là nhũ tương dạng thời và “Anfo”; 365 (ba trăm sáu mươi năm) kíp nổ điện. Cụ thể, vào các ngày 19, 23, 26 và 30/11/2020 và các ngày 03, 07, 10, 14 và 15/12/2020, sau khi nhận vật liệu nổ từ xe chuyên dụng của Chi nhánh giao đến công trường, Th cùng L sử dụng là không đúng quy định, nhiệm vụ được phân công, tuy có một số lần Thành cùng Vũ Văn V sinh năm 1978 và Chu Văn M sinh năm 1972 là công nhân của Chi nhánh trực tiếp sử dụng vật liệu nổ tại những vị trí thấp, dễ tiếp cận. Ngày 14/12/2020, khi đến công trường, Th được L

thông báo việc khoan tạo lỗ mìn chưa xong, nên Th đi kiểm tra các khu vực xung quanh, đến buổi chiều cùng ngày, Th thấy không bố trí được máy móc dọn dẹp nên việc nổ mìn chuyển sang ngày 15/12/2020. Tổng số lượng vật liệu nổ cấp theo hộ chiếu nổ mìn ngày 14 và 15/12/2020 là 13 (mười ba) kilôgam thuốc nổ nhũ tương và 75 (bảy mươi năm) chiếc kíp nổ điện. Ngày 14/12/2020 khi đến công trường, Th đã giao cho L 08 (tám) kilôgam thuốc nổ nhũ tương và 50 (năm mươi) kíp nổ điện. Sáng ngày 15/12/2020, Th tiếp tục giao cho L thêm 05 (năm) kilôgam thuốc nổ nhũ tương và 25 (hai mươi năm) chiếc kíp nổ điện. Nhưng L khai ngày 14/12/2020 không được nhận thuốc nổ từ Th. Ngày 15/12/2020, L được nhận thuốc nổ từ Th là 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất là buổi sáng khi Th đến công trường để thi công, lần thứ hai là khoảng 11 giờ 30 phút sau khi nổ mìn. Lời khai của L và Th có mâu thuẫn về thời gian giao nhận vật liệu nổ ngày 14 và 15/12/2020 và thời điểm nổ mìn ngày 15/12/2020, Cơ quan điều tra đã cho đối chất nhưng L và Th giữ nguyên lời khai. Nội dung này qua điều tra xác định, tuy lời khai của L và Th có mâu thuẫn, nhưng với tài liệu thu thập được có căn cứ khẳng định phù hợp về số lượng vật liệu nổ Th đã giao, L đã nhận trong hai ngày là 13 (mười ba) kilôgam thuốc nổ nhũ tương và 75 (bảy mươi năm) kíp nổ điện theo hộ chiếu nổ mìn đã được cấp.

Qua điều tra đối với Nông Văn L xác định: Sau khi ký kết hợp đồng với Công ty TNHH đầu tư XQ, L đã thuê Phồn Văn L, sinh năm 1979, trú tại xã BX, huyện MK, tỉnh LC; Lý Văn M, sinh năm 1995, trú tại xã CD, huyện NS, tỉnh BK; Chìn Văn C sinh năm 1997, Chìn Văn L sinh năm 2002, Pàn A D sinh năm 1998 cùng trú tại xã VS, huyện MT, tỉnh LC để thực hiện nhiệm vụ chính của L theo hợp đồng với Công ty XQ là khoan tạo lỗ để nhồi tra thuốc nổ mìn. Trong thời gian từ ngày 10/11/2020 đến 15/12/2020, L phối hợp với Ngô Thượng Th, chỉ huy nổ mìn của Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK, L thông báo bằng điện thoại cho Th số lỗ mìn đã khoan được, theo thông số kỹ thuật lỗ mìn để Th tính toán thiết kế hộ chiếu nổ mìn. Ngoài công việc chính là khoan tạo lỗ mìn, L đã không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Cụ thể, trong 09 lần khoan tạo lỗ nổ mìn xong, từng lần sau khi thiết kế hộ chiếu và nhận thuốc nổ từ Chi nhánh hóa chất mỏ về, Th đều cùng L tra nhồi vào các lỗ đã khoan và kích nổ tại những vị trí trên vách đá cao, hiểm trở. L không nhớ số lượng vật liệu nổ cùng Th đã sử dụng. L biết cách sử dụng vật liệu nổ do được công ty TNHH đầu tư XQ cử theo học một số lớp tập huấn về vật liệu nổ trước đây, nhưng L không được cấp phép hay có chức năng, nhiệm vụ được giao sử dụng vật liệu nổ tại công trường. Giúp L trong việc vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ trong phạm vi công trường gồm có Phồn Văn L, Lý Văn M, Chìn Văn L, Chìn Văn C và Pàn A D. Trong đó, L chỉ vận chuyển vật liệu nổ lên vách đá cho L, còn L, C, D và M hỗ trợ L trong việc sử dụng vật liệu nổ như, cầm thuốc nổ đưa cho L, rải dây mạng, lấp “bua”. Việc L sử dụng vật liệu nổ giúp Th mục đích muốn nhanh kết thúc công việc, L không được nhận tiền hay đồ vật có giá trị từ Th. Ngày 14/12/2020, L thấy Th cùng người của Chi nhánh đến công trường, nhưng do việc khoan tạo lỗ chưa xong, nên không sử dụng vật liệu nổ được và L không được nhận thuốc nổ từ Th. Đến ngày 15/12/2020, Th đến công trường gặp để đưa vật liệu nổ cho L thi công phần trên vách đá, còn Th thi công khu vực thấp và dưới rãnh. Sau khi kết thúc nổ mìn, Th gặp L tại vị trí gần kho tạm chứa đồ ở công trường và đưa cho L một túi nilon chứa vật liệu nổ, L mở túi nilon ra để kiểm tra thì thấy bên trong chứa 05 (năm)

kilôgam thuốc nổ nhũ tương và 25 (hai mươi năm) kíp nổ điện mục đích xử lý công việc theo đề nghị của Lâm Văn Th. Ngày 15/12/2020, L đã nhận thuốc nổ từ Th là 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất là buổi sáng khi Th đến công trường để thi công; Lần thứ hai là khoảng 11 giờ 30 phút sau khi nổ mìn. Tổng số vật liệu nổ L nhận từ Th trong ngày 15/12/2020 là 13 (mười ba) kilôgam thuốc nổ nhũ tương và 75 (bảy mươi năm) kíp nổ điện. Theo hợp đồng thì thời hạn khoan, nổ mìn đến hết ngày 15/12/2020, nhưng do bên khoan tạo lỗ chưa xong nên việc nổ mìn kéo dài đến ngày 23/12/2020. Trong các ngày 15, 22 và 23/12/2020, L đã sử dụng một phần vật liệu nổ, số vật liệu nổ còn lại L cất giấu tại địa điểm khoan nổ mìn. Buổi sáng ngày 24/12/2020, L cử Chìn Văn C và Lý Văn M lên khu vực địa điểm trên để thu dọn đồ đạc, khoảng 30 phút sau thì xảy ra vụ nổ làm Chìn Văn C và Lý Văn M tử vong.

Tại Kết luận giám định số: 9528/C09-P2, ngày 29/01/2021 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận *“Cơ chế gây nổ của vụ nổ xảy ra ngày 24/12/2020 bằng điện: Gồm thuốc nổ, kíp nổ điện và nguồn điện; khối lượng thuốc nổ của vụ nổ là khoảng từ 06 đến 08 kilôgam”*.

Tại bản kết luận giám định số: 01 ngày 04/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Các mảnh thi thể trong vụ tai nạn lao động tại Km 39 QL..., thuộc thôn ..., xã TP, huyện NR, tỉnh BK xảy ra ngày 24/12/2020 là của 02 người, đều bị chết do tác động bởi sức ép rất mạnh của sóng xung kích trong vụ nổ làm phá hủy toàn bộ cơ thể.

Tại bản kết luận giám định số 9464 ngày 29/01/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các mẫu mô cơ thể ghi thu tại hiện trường ký hiệu 1, 3, 4, 6, 8, 9 và 10 gửi giám định đều là mô cơ thể người; người có mẫu mô cơ thể ghi thu tại hiện trường ký hiệu 1 và 4 có quan hệ huyết thống theo dòng cha với Lý Văn Đ; người có mẫu mô cơ thể ghi thu tại hiện trường ký hiệu 3, 6, 8, 9 và 10 có quan hệ huyết thống theo dòng cha với Chìn Văn L.

Quá trình điều tra bị can Nông Văn L, Ngô Thượng Th đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình, phù hợp với lời khai của Phừn Văn L, Chìn Văn L, Pàn A D, Lâm Văn Th và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P1 ngày 20/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định truy tố bị cáo Nông Văn L về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ” quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 305 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015) và bị cáo Ngô Thượng Th về tội “Vi phạm quy định về quản lý vật liệu nổ” quy định tại điểm a Khoản 2 điều 307 BLHS năm 2015.

Điều 305 BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào... tàng trữ, ... sử dụng trái phép vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

c, Làm chết 02 người.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cử trú từ 01 năm đến 05 năm”.

Điều luật 307 BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào vi phạm quy định về quản lý ... vật liệu nổ... gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Làm chết 02 người;

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát xin rút tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Ngô Thượng Th, các nội dung khác của bản cáo trạng giữ nguyên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 305; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 04 đến 05 năm tù; phạt tiền từ 10 đến 12 triệu đồng. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 307; điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Ngô Thượng Th 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, cấm bị cáo đảm nhiệm công việc chỉ huy nổ mìn từ 1 – 2 năm. Về trách nhiệm dân sự đề nghị không xem xét. Về vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội mong HĐXX xem xét xử phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định:

Trong thời gian từ ngày 10/11/2020 đến ngày 15/12/2020 Ngô Thượng Th, được Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK giao làm chỉ huy nổ mìn tại công trường đoạn tuyến Km 18+600 - Km57 thuộc địa phận thôn CN, xã TP, huyện NR, tỉnh BK. Tuy nhiên, đến ngày 15/12/2020 khi đã hết thời hạn hợp đồng nhưng công

trình chưa hoàn thiện để nghiệm thu, nên Th đã giao vật liệu nổ trái phép gồm thuốc nổ nhũ tương dạng thỏi, thuốc nổ “Anfo” và kíp nổ điện cho Nông Văn L để hoàn thành nốt những phần chưa đạt yêu cầu. Mặc dù Thành biết rõ L chỉ được giao làm nhiệm vụ khoan tạo lỗ mìn, không được giao sử dụng, quản lý vật liệu nổ. Ngày 15/12/2020 sau khi L nhận từ Th 13 (mười ba) kg thuốc nổ nhũ tương và 75 (bảy mươi năm) kíp nổ điện thì trong các ngày 15, 22 và 23/12/2020 L đã sử dụng một phần vật liệu nổ, phần còn lại L mang đi cất giấu tại khu vực núi đá gần chỗ khoan lỗ mìn. Đến sáng ngày 24/12/2020 Chìn Văn Cvà Lý Văn M lên khu vực cất giấu vật liệu nổ để thu dọn đồ đạc thì xảy ra vụ nổ làm hai người tử vong. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với bị cáo Nông Văn L về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 305 BLHS năm 2015 và bị cáo Ngô Thượng Th về tội “*Vi phạm quy định về quản lý vật liệu nổ*” quy định tại điểm a khoản 2 điều 307 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn công cộng, vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý vật liệu nổ. Cần xử phạt nghiêm minh nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Bị cáo Nông Văn L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi sự việc xảy ra đã trực tiếp và cùng gia đình bồi thường cho gia đình các bị hại và được gia đình bị hại làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo phải 01 chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội “02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xét về nguyên nhân phạm tội thấy rằng, do nhận thức về các quy định của pháp luật đối với việc quản lý sử dụng vật liệu nổ còn hạn chế và một phần do cả nể, nên bị cáo L đã có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ nhằm mục đích phối hợp công việc để hoàn thành nhiệm vụ, bị cáo không có vụ lợi cá nhân. Do đó, cần áp dụng Điều 54 BLHS 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Ngô Thượng Th: Có nhân thân tốt, quá trình công tác được nhiều thành tích tiêu biểu, trong các năm từ 2018 đến năm 2020 đều đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Tập đoàn. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho gia đình các bị hại để khắc phục hậu quả và được đại diện gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo có ông, bà nội và bố đẻ đều là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 mà đại diện Viện kiểm sát xin rút tại phiên tòa. HĐXX thấy rằng, mặc dù bị cáo

Th 02 lần giao vật liệu nổ trái phép cho Nông Văn L, nhưng việc L tàng trữ trái phép Th không biết. Hơn nữa, đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý vật liệu nổ” quy định tại Điều 307 BLHS năm 2015, thì buộc phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm với hậu quả đã xảy ra, đây là dấu hiệu bắt buộc để xem xét trong cấu thành tội phạm. Lần thứ nhất, Th giao vật liệu nổ cho L không có hậu quả xảy ra, nên việc Viện kiểm sát rút tình tiết tăng nặng trên là có căn cứ, được chấp nhận. Bị cáo Th không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nông Văn L; hình phạt cấm đảm nhiệm công việc chỉ huy nổ mìn đối với bị cáo Ngô Thượng Th trong thời hạn nhất định.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, các bị cáo và gia đình các bị hại đã thỏa thuận và bồi thường xong trách nhiệm dân sự. Bị cáo L đã bồi thường cho gia đình bị hại Lý Văn M số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng); bồi thường cho gia đình bị hại Chìn Văn C số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà Trần Thị Phương Th là vợ của bị cáo Ngô Thượng Th đã hỗ trợ gia đình M và C, mỗi gia đình 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, gia đình các bị cáo đã hỗ trợ thêm mai táng phí với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho gia đình bị hại M. Đến nay, đại diện các bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu bàn giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh xử lý theo quy định pháp luật đối với vật chứng là vật liệu nổ. Trả lại cho chủ sở hữu pháp các tài sản không liên quan đến việc phạm tội. Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng.

[8] Các vấn đề khác trong vụ án:

- Ông Đào Văn H, sinh năm 1978, Giám đốc Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK. Qua điều tra xác định: Sau khi ký hợp đồng với Công ty TNHH PL, ông H có Quyết định phân công Ngô Thượng Th, cán bộ Chi nhánh làm chỉ huy nổ mìn. Qua điều tra xác định, quá trình thực hiện nhiệm vụ ông H có kiểm tra công tác, Th báo cáo theo quy định. Ông H không biết, không chỉ đạo Th giao vật liệu nổ cho người không có chức năng, thẩm quyền để tàng trữ, sử dụng trái phép. Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông H là có căn cứ;

- Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978, Phó giám đốc Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK: Qua điều tra xác định ông L không biết việc chỉ huy nổ mìn tại công trường giao vật liệu nổ cho người không có chức năng, thẩm quyền để sử dụng, ông L không được giao nhiệm vụ tại công trường nâng cấp, cải tạo Quốc lộ ... thuộc địa phận thôn CN, xã TP, huyện NR. Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông L là đúng;

- Ông Vũ Văn V, sinh năm 1978 và ông Chu Văn M, sinh năm 1972 là công nhân nổ mìn: Qua điều tra xác định, ông V và ông M trong quá trình thi công tại công trường đều tuân thủ yêu cầu của chỉ huy nổ mìn, không biết việc người được giao chỉ huy nổ mìn giao vật liệu nổ cho người không có chức năng, thẩm quyền sử dụng. Vì vậy, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông V và ông M là phù hợp;

- Ông Lê Đình V, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986 có trách nhiệm giám sát an toàn quá trình giao nhận vật liệu nổ tại công trường, không chỉ đạo hay tham gia vào công việc thi công vật liệu nổ của chỉ huy nổ mìn. Qua điều tra xác định: ông V và ông Th không biết việc chỉ huy nổ mìn giao vật liệu nổ cho người không có chức năng, thẩm quyền sử dụng. Vì vậy, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự. Đối với ông V trong Quyết định bổ nhiệm cán bộ chỉ huy nổ mìn số 73 ngày 04/3/2020 của Chi nhánh có tên Lê Đình V. Tuy nhiên, việc nổ mìn đều do Ngô Thượng Th thực hiện việc chỉ huy nổ mìn, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự với ông V là đúng quy định;

- Ông Dương Văn Đ sinh năm 1978 và ông Trần Văn T, sinh năm 1977 là nhân viên áp tải vật liệu nổ: Có nhiệm vụ nhận vật liệu nổ tại kho, áp tải đến công trường giao cho chỉ huy nổ mìn. Qua điều tra xác định, hai ông không biết việc chỉ huy nổ mìn giao vật liệu nổ cho người không có chức năng, thẩm quyền sử dụng. Cơ quan điều tra không xử lý đối với hai ông là có căn cứ;

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1981, lái xe chở vật liệu nổ và nhân viên áp tải đến công trường giao cho chỉ huy nổ mìn. Qua điều tra xác định: Ông T không biết việc chỉ huy nổ mìn giao vật liệu nổ cho người không có chức năng, thẩm quyền sử dụng. Nên không xem xét xử lý là đúng;

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970, Giám đốc Công ty TNHH đầu tư XQ, qua điều tra xác định: Sau khi ký kết hợp đồng khoan tạo lỗ mìn với Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK, ông H đã ký hợp đồng giao khoán với Nông Văn L và cung cấp máy móc, thiết bị cho L thực hiện công việc. Trong hợp đồng thể hiện, việc thuê thêm nhân công và đảm bảo an toàn cho người, máy móc khi thi công là do L chịu trách nhiệm. ông H không biết hay chỉ đạo L trực tiếp sử dụng vật liệu nổ tại công trường. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông H;

- Ông Đàm Trọng H, sinh năm 1982; Phó giám đốc công ty TNHH PL, qua điều tra xác định: ông H nhận ủy quyền của ông Vi Văn A, Giám đốc công ty TNHH PL để ký kết các văn bản, hợp đồng với Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ BK và chỉ đạo giám sát các hoạt động sản xuất của công ty. Tại công trường thôn CN, xã TP ông H giao cho Lâm Văn Th sinh năm 1983 chỉ huy công trường chịu trách nhiệm mọi hoạt động. Việc quản lý, sử dụng vật liệu nổ tại công trường là do Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ BK chịu trách nhiệm, không thuộc trách nhiệm của ông H. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng;

- Ông Lâm Văn Th, sinh năm 1983, Chỉ huy công trường, qua điều tra xác định: Ông Th chịu trách nhiệm chỉ huy người của Công ty PL thi công các hạng mục tại công trường theo thiết kế. Ngoài ra, ông Th còn phối hợp với Ngô Thượng Th trong việc nổ mìn để đạt được thiết kế ban đầu, phân công máy móc thu dọn sau mỗi

lần nổ mìn và ký các biên bản nghiệm thu khối lượng đất đá, số lượng vật liệu nổ đã sử dụng để nổ mìn, không có chức năng chỉ đạo công việc của chỉ huy nổ mìn. Ông Th không biết L không có chức năng, thẩm quyền sử dụng vật liệu nổ. Việc quản lý, sử dụng vật liệu nổ thuộc trách nhiệm của Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ chi nhánh BK. Ngày 22 và 23/12/2020 ông Th biết L sử dụng vật liệu nổ để phá đá tại vị trí rãnh dọc chữ V và lòng sông nhưng không ngăn cản, vì không thuộc trách nhiệm quản lý. Do vậy, không xem xét trách nhiệm đối với Th là có căn cứ.

- Công nhân của Nông Văn L gồm: Pàn A D, Phườn Văn L, Chìn Văn L, Chìn Văn C và Lý Văn M là người làm thuê cho L, hỗ trợ L trong việc vận chuyển vật liệu nổ, rải dây mìn, lắp “bua” trong phạm vi công trường thi công. Qua điều tra xác định: D, L, L, C và M không biết việc L không có chức năng, thẩm quyền trong sử dụng vật liệu nổ. Cả năm người chỉ làm theo yêu cầu của L, không có nhiệm vụ phải biết về tư cách trách nhiệm của L và không biết L cất giấu tàng trữ vật liệu nổ. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được, không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*”. Bị cáo Ngô Thượng Th phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý vật liệu nổ*”.

Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 5 Điều 305; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Văn L 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nông Văn L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 307; điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Ngô Thượng Th 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường TP, thành phố PY, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS năm 2015. Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Ngô Thượng Th làm công việc Chỉ huy nổ mìn trong thời hạn 01 (Một) năm, thời hạn cấm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại bà Đặng Thị P 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Itel được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1;

- Trả lại bị cáo Nông Văn L: 02 (Hai) chiếc điện thoại được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1, gồm 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Oppo và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Redmi; 01 (Một) giấy CMND số 063294873 mang tên Nông Văn L; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng C mang tên Nông Văn L;

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị đựng trong 01 (Một) hộp catton đựng các đồ vật được niêm phong có ký hiệu A2 gồm: 01 (Một) chiếc máy vỏ nhựa màu vàng đã qua sử dụng, trên thân máy có ghi nhiều dòng chữ nước ngoài, có ký hiệu ExdibI, máy có nút xoay ghi 2 cực (-) (+), có ổ khóa và chìa khóa, máy có dây đeo là dây dù đã cũ; 02 (Hai) cuộn dây điện màu đỏ, xanh; 02 (Hai) túi nilong bên trong chứa nhiều đoạn dây điện khác nhau màu xanh, đỏ, vàng; 01 (Một) túi chứa pin tiêu;

- Chuyển lại hồ sơ vụ án các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc sử dụng vật liệu nổ của Công ty TNHH đầu tư XQ tại công trường thi công đoạn Km40+540-Km53+00 thuộc dự án nâng cấp, cải tạo quốc lộ ... đoạn XH - cửa khẩu PM;

- Tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động được niêm phong trong phong bì có ký hiệu D1 để đảm bảo thi hành án cho Ngô Thượng Th; 01 (Một) điện thoại di động được niêm phong trong phong bì có ký hiệu C để đảm bảo thi hành án cho Nông Văn L;

- Tịch thu, bàn giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh BK 01 (Một) bao tải màu trắng ghi dòng chữ “thuốc nổ Anfo” bên trong có các hạt tinh thể màu trắng đục được niêm phong trong hộp catton ký hiệu A3 để xử lý theo quy định của pháp luật.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan an ninh điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn)

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn L và Ngô Thượng Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương